

Bản án số: 1112/2023/HC-ST
Ngày: 30-6-2023
V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực môi trường”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Văn Hề

2/ Ông Trần Ngọc Thực

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 142/2021/TLST-HC ngày 25 tháng 5 năm 2021, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực môi trường”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 2070/2023/QĐXXST-HC ngày 12 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7402/2023/QĐST-HC ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Công ty TNHH Vận tải N;

Trụ sở: xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông N – Giám đốc Công ty TNHH Vận tải N.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H;

Địa chỉ: phường B, Quận M, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Bà Nguyễn Thị M - Phó trưởng phòng pháp chế Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H.

- Bà Nguyễn Thị Q - Chuyên viên phòng quản lý chất thải rắn thuộc Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố H.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH Dịch vụ Môi trường A.

Địa chỉ: phường T, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Trọng Nghĩa – Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Môi trường A.

Tại phiên tòa, ông N có mặt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H có đơn xin vắng mặt, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Dịch Vụ Môi Trường A vắng mặt, bà Nguyễn Thị M có mặt, bà Nguyễn Thị Q có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện Công ty TNHH Vận tải N có ông N là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 24/12/2019, Công ty TNHH Dịch Vụ Môi Trường A yêu cầu Công ty TNHH Vận tải N vận chuyển hàng hóa đến điểm đổ theo yêu cầu của Công ty A (theo Hợp đồng thuê xe vận chuyển sso 0819/HĐVC ngày 01/4/2019) bao gồm rác thải công nghiệp không nguy hại đến môi trường ra đổ tại bãi đất trống thuộc thửa đất số 825, chiết từ thửa 118, tờ bản đồ số 18, ấp 03, xã P, huyện N do Ông Lê Văn Hoa làm tài xế. Trong lúc đang xuống chất thải không độc hại cho Công ty A thì Công An Thành phố H đến lập Biên bản vi phạm hành chính đối với Công Ty N.

Ngày 21/02/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 623/QĐ-XPVPHC với nội dung xử phạt Công ty TNHH Vận tải N về hành vi đổ, thải chất thải rắn công nghiệp thông thường từ 10.000kg đến dưới 20.000kg trái với quy định về bảo vệ môi trường quy định tại điểm g khoản 9 Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ; hình thức xử phạt chính là phạt tiền 67.500.000 đồng, trong đó áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm b khoản 1 Điều 10 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 với hình thức phạt bổ sung là phạt tiền 1.703.000.000 đồng.

Không đồng ý với quyết định nêu trên, Công ty TNHH Vận tải N gửi đơn khiếu nại. Ngày 03/3/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 692/QĐ-UBND: Bác nội dung khiếu nại của Công Ty TNHH Vận

tải N, giữ nguyên Quyết định xử phạt hành chính số 623/QĐ-XPVPHC ngày 21/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Công ty TNHH Vận tải N chỉ chở thuê cho Công ty TNHH Dịch vụ Môi trường A theo Hợp đồng thuê xe vận chuyển số: 0819/ HĐVC ngày 01 tháng 04 năm 2019. Theo dòng 2 khoản 1.1 Điều 1 của Hợp Đồng trên thì mọi vấn đề pháp lý liên quan đến chứng từ xuất xứ hàng hóa và quá trình giao nhận hàng hóa, địa điểm giao nhận đều thuộc về trách nhiệm của Công ty TNHH Dịch vụ Môi trường A. Công ty TNHH Vận tải N chỉ điều động xe và tài xế đến địa điểm bốc hàng do Công ty TNHH Dịch vụ Môi trường A báo trước, sau khi chất hàng hóa lên xe, tài xế sẽ chở hàng đến địa điểm do Công ty TNHH Dịch vụ Môi trường A chỉ định. Ngoài ra, hàng hóa do Công ty TNHH Vận tải N vận chuyển không phải là chất thải độc hại.

Do đó, Công ty TNHH Vận tải N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 623/QĐ-XPVPHC ngày 21/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Theo nội dung Văn bản trình bày ý kiến số 2926/UBND-NCPC ngày 19/8/2022, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H trình bày như sau:

- Cơ sở để ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 623/QĐ-XPVPHC ngày 21/02/2020.

Về áp dụng tình tiết tăng nặng: Theo điểm b khoản 1 Điều 10 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 là do ông N - Giám đốc Công ty N đã 05 lần chỉ đạo tài xế Lê Văn Hoa điều khiển xe tải 51C-782.99 tới Công ty Cổ phần Nikken (sau đây gọi là Công ty Nikken) tiếp nhận, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường và đưa về đổ, thải trái phép ra môi trường tại các địa điểm khác nhau.

Về thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt: Công an Thành phố H đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 623/QĐ-XPVPHC ngày 21/02/2020 đối với Công ty N với hình thức phạt tiền 67.500.000 đồng và hình thức phạt bổ sung: Buộc Công ty N phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá phương tiện vi phạm vào ngân sách nhà nước để thay thế cho việc thực hiện hình thức xử phạt tịch thu phương tiện vi phạm hành chính là xe tải biển kiểm soát 51C-782.99 với số tiền 1.703.000.000 đồng là đúng quy định tại khoản 3 điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính năm

2012; Tại điểm g khoản 9 Điều 20 Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Về căn cứ ban hành Quyết định xử phạt:

+ Biên bản vi phạm hành chính số 35/BB-VPHC do Phòng cảnh sát môi trường – Công an Thành phố H lập ngày 19/02/2020, có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty N là ông N - Giám đốc công ty.

+ Biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính số 34/BB-XM, do Phòng cảnh sát môi trường - Công an Thành phố H lập ngày 18/02/2020 đối với tài xế Lê Văn Hoa.

+ Biên bản ghi lời khai, biên bản làm việc đối với tài xế Lê Văn Hoa do Phòng cảnh sát môi trường - Công an Thành phố H lập hồi 11 giờ 15 phút ngày 24/12/2019.

+ Biên bản ghi lời khai đối với phụ xế Nguyễn Văn Vận do Phòng cảnh sát môi trường - Công an Thành phố H lập hồi 11 giờ 20 phút ngày 24/12/2019.

+ Biên bản làm việc đối với ông Hà Huy Hoàng, tổng giám đốc Công ty Nikken do Phòng cảnh sát môi trường - Công an Thành phố H lập ngày 30/12/2019.

+ Biên bản làm việc đối với ông N, giám đốc Công ty N do phòng cảnh sát môi trường - Công an Thành phố H lập ngày 08/01/2020 và ngày 13/02/2020.

+ Biên bản làm việc đối với bà Trần Thị Diệp, chủ sở hữu của thửa đất số 825 (chiết từ thửa 118), tờ bản đồ số 18, xã P, huyện N do Phòng cảnh sát môi trường - Công an Thành phố H lập ngày 14/02/2020.

+ Hợp đồng thế chấp ô tô hình thành từ vốn vay số 9000.16.160.2439207.BĐ giữa Công ty N và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Nam Sài Gòn trong việc thế chấp tài sản là xe ô tô mang biển kiểm soát 51C-782.99.

+ Chứng thư thẩm định giá của Công ty thẩm định giá Thành Đô đối với tài sản thẩm định là ô tô tải (có cần cẩu), biển kiểm soát 51C-782.99.

+ Hợp đồng thu gom xử lý chất thải số 200219/CGQ-NK ngày 20/4/2019 giữa Công ty Nikken và Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý và phụ lục Hợp đồng số 02/PLHĐ/CGQ-NK để thống nhất quy ước hai bên là một bao vỏ khuôn tương đương 500-600kg.

+ Hợp đồng thuê xe vận chuyển chất thải công nghiệp thông thường số

01/2019/HĐVC/CGQ- AK ngày 20/4/2019 giữa Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý và Công ty TNHH dịch vụ Môi trường A.

+ Hợp đồng thuê xe vận chuyển số 0819/HĐVC ngày 01/4/2019 giữa Công ty TNHH Dịch vụ Môi trường A và Công ty N.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng thuê xe vận chuyển giữa Công ty A và Công ty N thì địa điểm giao nhận hàng theo sự bố trí của Công ty A nhưng thực chất ông Đinh Trọng Nghĩa - Giám đốc Công ty A không trực tiếp điều hành việc giao nhận chất thải của Công ty Nikken mà giao toàn bộ việc này cho ông N để ông N điều xe và tài xế tiếp nhận, vận chuyển chất thải về nơi xử lý. Do đó, việc Công ty N tiếp nhận vận chuyển chất thải từ Công ty Nikken về đổ thải tại nhiều địa điểm khác nhau hoàn toàn do ông N chỉ đạo các tài xế thực hiện. Điều này thể hiện Công ty N đã có lỗi cố ý. Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định Công ty N có hành vi đổ, thải chất rắn công nghiệp thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường; vi phạm quy định tại điểm g khoản 9 Điều 20 Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ.

Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 67.500.000 đồng và buộc Công ty N phải nộp khoản tiền tương đương trị giá phương tiện vi phạm vào ngân sách nhà nước để thay thế cho việc thực hiện hình thức xử phạt tịch thu phương tiện vi phạm hành chính là xe tải biển kiểm soát 51C-782.99 với số tiền 1.703.000.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

- Về yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 623/QĐ-XPVPHC:

Ngày 28/4/2020 Công ty N có đơn khiếu nại Ủy ban nhân dân Thành phố H đề nghị xem xét xác minh lại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 623/QĐ-XPVPHC ngày 21/02/2020 với nội dung: *“Công ty N chỉ chấp thuận đối với hình thức xử phạt hành chính là phạt 67.500.000đồng, còn đối với hình thức xử phạt bổ sung là nộp số tiền 1.703.000.000đồng tương đương giá trị phương tiện vi phạm hành chính là xe tải biển số kiểm soát 51C-782.99 Công ty không đồng ý. Công ty N cho rằng hình thức phạt bổ sung là tình tiết tăng nặng trong khi chất thải mà công ty chở cho Công ty Nikken Việt nam đổ ra môi trường là chất thải rắn thông thường ít ảnh hưởng đến môi trường”*.

Ngày 03/3/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H đã ban hành Quyết

định số 692/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của Công ty N: bác nội dung khiếu nại của Công ty N; giữ nguyên Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 623/QĐ-XPVPHC ngày 21/02/2020.

Do Công ty N thế chấp phương tiện vi phạm hành chính là xe ô tô tải mang biển số 51C-782.99 tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Sài Gòn nên trường hợp này thuộc trường hợp quy định tại Điều 11a Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính Phủ: “ Đối với tang vật phương tiện đang bị tạm giữ do bị sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu thì trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp. Trong trường hợp này, cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cho Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Nam Sài Gòn và buộc Công ty N nộp một khoản tiền tương đương trị giá phương tiện vi phạm 1.703.000.000đồng vào Ngân sách nhà nước để thay thế cho việc thực hiện hình thức xử phạt tịch thu phương tiện vi phạm hành chính là đúng các quy định của pháp luật. Do vậy đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố H bác yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa,

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định của mình.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến:

+ Về hình thức: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình do Luật Tố tụng hành chính quy định.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Vận tải N là không có cơ sở. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Dịch vụ Môi trường A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 157, Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[1.2] Về quyền khởi kiện: Căn cứ Điều 115 Luật Tố tụng hành chính, Công ty TNHH Vận tải N do ông N làm giám đốc khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 623/QĐ-XPVPHC ngày 21/02/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H nên Công ty TNHH Vận tải N có quyền khởi kiện.

[1.3] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH Vận tải N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 623/QĐ-XPVPHC ngày 21/02/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Quyết định hành chính này đều thỏa mãn quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, đây là đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 21/02/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 623/QĐ-XPVPHC. Ngày 01 tháng 4 năm 2021 Công ty TNHH Vận tải N nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 623/QĐ-XPVPHC ngày 21/02/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H. Căn cứ Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015, vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Vận tải N:

Theo đơn khởi kiện, Công ty TNHH Vận tải N yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 623/QĐ-XPVPHC ngày 21/02/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H. Công ty TNHH Vận tải N không có yêu cầu khởi kiện Quyết định hành chính về việc giải quyết khiếu nại số 692/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H. Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù Công ty TNHH Vận tải N không khởi kiện quyết định này nhưng đây là

quyết định hành chính liên quan đến quyết định bị kiện nên cần phải xem xét quyết định này để giải quyết triệt để vụ án.

[2.1] Xét Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 623/QĐ-XPVPHC ngày 21/02/2020:

[2.1.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Căn cứ Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H, ban hành Quyết định bị kiện nêu trên là đúng thẩm quyền.

[2.1.2] Về nội dung quyết định: Theo Hợp đồng thế chấp ô tô hình thành từ vốn vay số 9000.16.160.2439207.BĐ giữa Công ty N và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Sài Gòn trong việc thế chấp tài sản là xe ô tô mang biển kiểm soát 51C-782.99.

Chứng thư thẩm định giá của Công ty thẩm định giá Thành Đô đối với tài sản thẩm định là ô tô tải (có cần cẩu), biển kiểm soát 51C-782.99.

Theo Hợp đồng thu gom xử lý chất thải số 200219/CGQ-NK ngày 20/4/2019 giữa Công ty Nikken và Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý và phụ lục Hợp đồng số 02/PLHĐ/CGQ-NK để thống nhất quy ước hai bên là một bao vỏ khuôn tương đương 500-600kg.

Theo Hợp đồng thuê xe vận chuyển chất thải công nghiệp thông thường số 01/2019/HĐVC/CGQ- AK ngày 20/4/2019 giữa Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý và Công ty TNHH Dịch vụ Môi trường A.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng thuê xe vận chuyển số 0819/HĐVC ngày 01/4/2019 giữa Công ty A và Công ty N thì địa điểm giao nhận hàng theo sự bố trí của Công ty A nhưng thực chất ông Đinh Trọng Nghĩa- Giám đốc Công ty A không trực tiếp điều hành việc giao nhận chất thải của Công ty Nikken mà giao toàn bộ việc này cho ông N để ông N điều xe và tài xế tiếp nhận, vận chuyển chất thải về nơi xử lý. Do đó, việc Công ty N tiếp nhận vận chuyển chất thải từ Công ty Nikken về đổ thải tại nhiều địa điểm khác nhau hoàn toàn do ông N chỉ đạo các tài xế thực hiện. Điều này thể hiện Công ty N đã có lỗi cố ý. Thể hiện qua các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ Biên bản vi phạm hành chính số 35/BB-VPHC do Phòng cảnh sát môi trường – Công an Thành phố H lập ngày 19/02/2020, có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty N là ông N- Giám đốc Công ty.

+ Biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính số 34/BB-XM, do Phòng cảnh sát môi trường - Công an Thành phố H lập ngày 18/02/2020 đối

với tài xế Lê Văn Hoa.

+ Biên bản ghi lời khai, biên bản làm việc đối với tài xế Lê Văn Hoa do Phòng cảnh sát môi trường - Công an Thành phố H lập hồi 11 giờ 15 phút ngày 24/12/2019.

+ Biên bản ghi lời khai đối với phụ xế Nguyễn Văn Vận do Phòng cảnh sát môi trường - Công an Thành phố H lập hồi 11 giờ 20 phút ngày 24/12/2019.

+ Biên bản làm việc đối với ông Hà Huy Hoàng, tổng giám đốc Công ty Nikken do Phòng cảnh sát môi trường - Công an Thành phố H lập ngày 30/12/2019.

+ Biên bản làm việc đối với ông N, giám đốc Công ty N do Phòng cảnh sát môi trường - Công an Thành phố H lập ngày 08/01/2020 và ngày 13/02/2020.

+ Biên bản làm việc đối với bà Trần Thị Diệp, chủ sở hữu của thửa đất số 825 (chiết từ thửa 118), tờ bản đồ số 18, xã P, huyện N do Phòng cảnh sát môi trường - Công an Thành phố H lập ngày 14/02/2020.

Từ sự phân tích nêu trên, có đủ cơ sở xác định Công ty N có hành vi đổ, thải chất rắn công nghiệp thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường; vi phạm quy định tại điểm g khoản 9 Điều 20 Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 623/QĐ-XPVPHC ngày 21/02/2020 là đúng quy định pháp luật.

[2.2] Xét Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 về việc giải quyết khiếu nại:

[2.2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 theo đúng quy định tại Điều 19, Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2.1] Về nội dung Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 03/3/2021:

Do Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 623/QĐ-XPVPHC ngày 21/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành đúng quy định của pháp luật nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 692/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 với nội dung không chấp nhận khiếu nại của Công ty N là có căn cứ.

Như vậy Công ty TNHH Vận tải N yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 623/QĐ-XPVPHC ngày 21/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H đề nghị: Bác yêu cầu hủy quyết định bị kiện nêu trên của Công ty TNHH Vận tải N là có căn cứ.

[4] Về án phí: Công ty TNHH Vận tải N phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 157, Khoản 1 Điều 158, Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 10, Điều 38, Điều 58, Điều 86, Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Điều 11a Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính Phủ;

Căn cứ Điểm g khoản 9 Điều 20 Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về lệ phí án phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Vận tải N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 623/QĐ-XPVPHC ngày 21/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về xử phạt vi phạm hành chính.

2. Về án phí: Công ty TNHH Vận tải N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0094200 ngày 21/5/2021 tại Cục thi hành án dân sự Thành phố H. Công ty TNHH Vận tải N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục thi hành án dân sự TPHCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thuận